

# MINH LÝ ĐẠO KHAI

Ngày 27/11 năm Giáp Tý (1924)

- Giờ **Mậu Tý**
- Ngày **Bính Tý**
- Tháng **Bính Tý**
- Năm **Giáp Tý**



MINH 明

✚ *Nghĩa phổ thông*: là làm sáng tỏ ở nơi mình, mỗi ngày mỗi sáng. Làm sáng tỏ cho mình được rồi, lại giúp cho mỗi người, cho tất cả thiên hạ làm sáng tỏ như mình, cũng gọi là Minh.

✚ *Nghĩa huyền bí*: chữ Minh là sáng biết, mà chẳng phải sự sáng biết của lý-trí, của bản-ngã, của ý-thức. Đây là sự sáng biết của Huyền-quan nhưt khiếu, do tu tập theo nội công mà đặng.



## LÝ 理

✚ *Nghĩa phổ thông*: là lẽ phải, là Lương-tâm, là đạo lý mà mọi người phải noi theo, mọi người phải giữ gìn và cố gắng thực-hiện đạo lý đó cho được rục rở trong lòng mình và hiện lộ ra bên ngoài, để làm khuôn thước cho đời sống của mình và làm của chung cho cả quốc-gia, xã-hội. Đó là một chơn-lý bất biến, một linh-hồn bất diệt, không



thể nào không có được. Cho nên ai cũng phải làm sáng tỏ cái đó, kêu ngọn đèn thiêng-liêng ấy cho tới mức trọn lành tuyệt đối.

✚ *Nghĩa huyền bí*: Chữ Lý nói đây là bản-thể của Kiền Khôn vũ-trụ, không có hình tướng màu sắc, nên không thể nói vuông hay tròn, đen hay trắng, v.v... mà nó cũng không có đức-tánh, nên không thể nói lành dữ, tốt hay xấu. Đó là Lý duy-nhứt, tuyệt-đôi nên cũng gọi là Lý-thể.

- Đạo giáo gọi là **Đạo**.
- Phật-giáo gọi là **Pháp**.
- Nho-giáo gọi là **Thiên** (Trời) hay **Lý**.

## ĐẠO 道

✚ *Nghĩa phổ thông*: là đường, con đường phải mà ai cũng phải đi trên đó. Nếu ai đi trên con đường rộng lớn của thiên hạ thì bình yên, bằng trái lại, bỏ con đường ấy, thì sa lạc vào hố sâu vực thẳm, mà đắm mình nơi nguy hiểm, khổ đau. Đã sa lạc vào rừng sâu, thì quanh quẩn không lối về, mà còn khủng khiếp giữa đám rắn độc, cọp dữ, e chẳng toàn thân. Đại ý nghĩa đen là vậy.



✚ *Nghĩa huyền bí*: Đây nói Hoàng-cực ngự trong thân người, mà Hoàng-cực không ra ngoài Lý-thể nói trên. Vậy theo nghĩa đen ở trước, đạo đây có nghĩa là con đường đi hay là phương-pháp để đạt tới Hoàng-cực, tới Thượng-đế, tới Lý-tánh, Lý-thể hay là Đạo (với chữ Đ lớn có nghĩa là gốc nguồn vũ-trụ và muôn vật).

Thành thử chữ Đạo ở sau đây có thể dùng luôn cả hai nghĩa: một nghĩa nói trước là phương-pháp và một nghĩa sau đây là mục-đích cứu cánh.

Vậy theo nghĩa cứu cánh sau này, thì Đạo tức là Lý, Lý tức là Đạo, không còn phân biệt nữa. Nên chúng tôi có thể xưng Minh-Lý, thì nội hai chữ đó cũng có thể gồm bao tất cả nghĩa khác.

*(Thỉnh xem giải thích chi tiết tại chương I – Sách MINH LÝ CHON GIẢI)*



**BÁC NHÃ TỊNH ĐƯỜNG năm 1971**

**Bác Nhã Tịnh Đường** là một tu viện, một tịnh đường làm nơi chốn cho người tu an dưỡng tinh thần qua Tu Tịnh, nhưng không phải là nhà tu trọn đời, mà khi tu chứng được rồi, người tu phải ra đi độ người, truyền bá giáo lý của Đạo Minh Lý, để mở mang mỗi Đạo lành trong thiên hạ.

**Bác Nhã Tịnh Đường** được khởi công xây dựng từ năm 1966 đến năm 1971 và được tiến hành xây dựng làm hai đợt:

**Đợt 1** - Khởi công xây dựng ngày 28-12-1966 (*nhằm á.l. ngày 17 tháng 10 Bính Ngọ*) và hoàn tất ngày 13-9-1967: phá dỡ căn nhà lâu cũ và xây dựng Hậu đường cùng hai dãy tả hữu nhà trệt phụ thuộc.

**Đợt 2** - từ ngày 01-4-1970 (*nhằm á.l. ngày 25 tháng 12, năm Canh Tuất*) và hoàn tất năm 1971: khởi dựng tòa Chánh điện và lên lầu hai bên tả hữu nhà phụ thuộc.

**Lễ Lạc Thành Bác Nhã Tịnh Đường:** ngày 27 tháng 11 năm Tân Hợi (*dl, năm 1972*).

Trong bài diễn văn đọc vào Lễ Lạc Thành BNTĐ, Ngài Định-pháp Tổng-ly Minh Thiện đã tuyên dương Đạo Đức vô vi của nền Đạo mới ra đời, và tuyên bố tuy Kinh sách Tam Giáo rất nhiều nhưng **Tịnh đường** chỉ dùng ba bộ Kinh Tỏ là **VIÊN GIÁC KINH, ĐẠO ĐỨC KINH**, và sách **TRUNG DUNG** làm căn bản, phụ thêm **Châu Dịch Huyền Giải** và **Đạo Học Chỉ Nam**. Như thế ba bộ Kinh trong Tam Giáo đã gặp nhau trên tinh thần *nhứt quán*.





**BÁC NHÃ TĨNH ĐƯỜNG – năm 2011**

Ngày an vị, đức **Ngọc đế** có giáng bút cho một bài Trường thiên sau:

1. *Ngôi Bắc Nhã Tịnh Đường đã dựng,  
Thì có người tu chứng pháp môn.  
Chỉ phương chế phách luyện hồn,  
Huyền quan nhứt khiêu Kiền Khôn nhiệm màu.*
2. *Tĩnh ngộ liền quày đầu thấy Phật,  
Thanh tịnh là duy nhứt cùng Cha.  
Huân churn một khí Thái hòa,  
Pháp luân thường chuyển, tam hoa kết thành.*
3. *Núi Tỳ Vân bao quanh vững chắc,  
Đá chập chồng dày đặc vút cao.  
Vững yên lặng lẽ biết bao,  
Dựa lưng ý dốc, dễ nào đổ hư.*
4. *Lòng được vậy như như bất động,  
An trụ tâm là Tổng trì môn.  
Ngàn năm, muôn kiếp trường tồn,  
Bền công đại định, hồn hồn thông linh.*
5. *Trước mắt kìa, Thái bình biển lớn,  
Nước minh mông, rùng rợn phong ba.  
Phải chǎng vọng niệm tâm tà,  
Ấm ò rợn rợn, trông ra nghĩ mình.*
6. *Hàng phục được, trước bình tâm địa,  
Quay ngược về một phía Chơn tâm.  
Niệm xưa phức tạp âm âm,  
Niệm nay hồi hướng cao thâm đôi chiều.*





Phía ngoài cửa Chánh điện, ở hai bên có hai câu đối lớn được gắn lên tường bằng xi-măng đề chữ quốc ngữ nhưng ghi âm Hán-Việt:

✚ Câu liễn:

**BÁC NHÃ TÂM KHAI  
HUỆ CHIẾU VÔ MINH HƯỜN BỒN GIÁC  
TỊNH ĐƯỜNG KHÍ PHỤC  
ĐƠN THÀNH NHỨT LỊP THOÁT THAI THÂN**

✚ Ý nghĩa:(1)

Đôi liễn này gồm hai câu: câu đầu nói về phép tu của nhà Phật lấy Bác-nhã làm căn-bản (tôn chỉ). Còn câu sau nói về phép tu của Đạo-giáo lấy Huyền-quan làm căn-bản (phương tu)

*Bác-nhã* nghĩa là Đại-giác của tánh Viên-thường (Viên-minh). *Bác-nhã* là đại trí-huệ Không có Bác-nhã thì không thể nào tu thành Phật. Chư Phật đều nhờ trí Bác-nhã mà đặng thành Phật.

“**Bác-nhã khai tâm**” tức là quán chiếu Bác-nhã, tức là quán chiếu Thật-tướng, Thật-tánh, soi thấu Lý-thể. Mà muốn quán chiếu thì phải tâm khai. Tâm của kẻ thường-nhơn, làm sao mà quán chiếu cái Thật-tánh, cái Lý-thể nói trên đó là vô hình vô tướng được? Vì vậy, muốn quán chiếu thì phải phát tâm bồ-đề, phải tu thiên-định, dẹp trừ thất tình lục dục, các thứ tâm bất chánh, thì tâm Bác-nhã mới hé mở, nên gọi là “*tâm-khai*”.

Ngoài trí Bác-nhã ra, không có gì trừ nổi Vô-minh. Tỉ như trong một cái phòng đen tối, sức người không làm sao đuổi hết sự đen tối đó được. Ta chỉ đốt đèn lên, thì đen tối tan mất, khỏi cần phải dụng sức đuổi nó đi, mà nó vẫn

đi nhanh chóng. Xưa kia Bỗn-giác vốn không mê muội, mà vì có Vọng-giác (tức là vô-minh), nên tự như mê. Vì có Vọng-giác mới có Thi-giác, nên tự như có giác. Cái trí Thi-giác Bác-nhã (cái trí Bác-nhã mới khai lúc ban sơ) ở trong lòng người, bị khí bảm sở câu, vật dục sở tế, thế nào mà đặng hoàn toàn sáng suốt. Vậy phải làm gì cho nó khai mở sáng suốt ? Chỉ **“Huệ chiếu Vô-minh”** mới có hiệu quả như thế, *phải có công-phu tu hành lâu ngày mới có thể hiệp với Thật-tánh, Thật-tướng*. Phải nhờ có đại-trí quán chiếu và hiểu biết Thật-tánh, mới làm cho tiêu hết tà kiến, quên cả dục tình; mà tà kiến, dục tình, có phải là vô-minh chăng?

Bỗn-giác Bác-nhã là Bác-nhã căn-bổn, vốn tự nhiên hoàn toàn sáng suốt. Sự tu hành, khi đã thành công thì Thi-giác hoàn hiệp với Bỗn-giác làm một, gọi là *“Lý trí nhứt như”* – **“Huòn Bỗn giác”**, nghĩa là Lý và Trí có một tánh Chơn-như mà thôi. Mà Chơn-như là Tánh-giác Diệu-minh (Thi-giác hiệp với Bỗn-giác, thì hai tên Thi-giác và Bỗn-giác cũng mất không còn nữa, bởi hiệp đúc nên Tánh-giác Diệu-minh, thành có một Chơn-như Phật-tánh.).

**“Tịnh”** là tịnh lự, nghĩa là: dẹp hết các sự lo lắng theo thế gian. Còn **“Đường”** là nhà, nhà tu, là nơi an dưỡng tinh-thần.

**Khí** là hơi thở. Hơi thở trong miệng mũi qua lại, gọi là hô hấp ra ngoài. Hơi thở do Kiềm Khôn khép mở là hô hấp ở trong. Hô hấp ở ngoài là việc thuộc về sắc thân, tiếp tế hậu thiên, để dưỡng hình vóc. Hô hấp ở trong là việc thuộc Pháp-thân, tài bồi tiên-thiên, để dưỡng Cốc-thần (Nguyên-thần).

**“Phục khí”** là đè nén cho hơi thở trở về căn-bổn, trở thành khí tiên-thiên, mà tiên-gia cũng gọi là Chơn-tức. Có

khí phục rồi mới có kết thai tiên, cũng gọi là: Thái-thai, Thái-thần. “**Khí phục**” tên thiệt của nó là: “**Huyền-quan nhứt-khiếu**” (Thiên-Tâm), nghĩa là: một trung-tâm phát xuất đủ các thứ huyền-diệu, là cái cửa phát sanh các thứ pháp diệu (dầu cho Trời Đất, vũ-trụ, người vật ... cũng đều ở trong cửa đó mà ra), nó huyền diệu trên các thứ huyền-diệu, huyền diệu hơn cả tất cả.

“**Đơn**” đây tức là Kim-đơn. Nghĩa **Kim-đơn** trong một bài thơ, theo Đơn-kinh của Đạo-giáo:

*Bổn-tánh tiên-thiên ấy gọi đơn,  
Trong lò bát quái luyện thành hườn.  
Người mê tìm thuốc ngoài thân thể,  
Vừa uống, tưởng đâu mây đỡ chân.*

Lại có một bài khác:

*Bổn-lai Chơn-tánh gọi Kim-đơn,  
Tứ đại làm lò, luyện hiệp hườn.  
Kẻ hiểu tức thì về Thái-vực,  
Người mê muôn kiếp chịu trầm luân.*

“**Nhứt lập**” nghĩa là một hột. Mỗi ngày nuốt được một hột, lâu ngày Chơn-tức càng mạnh thì thai-thần càng đầy đủ, chỉ còn chờ ngày giờ, đúng kỳ thập nguyệt, thì thai-thần siêu xuất.

“**Thoát thai-thần**” là thoát ra khỏi xác phàm. Cái chi thoát ra ngoài ? Đó là thai-tức (hơi thở tiên thiên), hóa ra thai-thần (nguyên-thần), xuất hồn vân du khắp nơi. Ban sơ còn yếu thì xuất gần, đến sau có đủ công phu rồi, mới là xuất xa được.

(1) *Lược ghi theo ý bài giảng của Ngài Định-Pháp Tổng-Lý MINH-THIỆN. (Thỉnh xem toàn văn bài giảng ở phần Phụ lục)*

TRUNG



HÒA

TRÍ



 Câu liên:

## TRÍ TRUNG HÒA

# 致 中 和

Ngài Đinh-pháp Tổng-lý MINH THIÊN giảng (2):

❖ Chữ **TRÍ** có nghĩa là : hiểu biết, sáng suốt, nói cho đủ chữ là *Trí huệ, là Huệ mạng*, là công dụng của Tánh giác Diệu-minh hay là của Chơn tâm. Cho nên Tánh giác Diệu-minh cũng gọi là **Trí “Bổn giác”** hay là Lý. Còn cái Trí mới bắt đầu giác ngộ thì gọi là **Trí “Thỉ giác”**. Ngày nào Trí Thỉ giác và Trí Bổn giác bằng nhau, thì gọi là Lý và Trí có một, tức là thành Phật vậy.

❖ **TRUNG HÒA** : Trung là cái tánh chưa bị ô nhiễm, chưa có ngã ngữ theo một bên nào. Hòa là cái tình trung chánh, chẳng có gì trái tráp đối với mọi người. ***Trung là gốc lớn của thiên hạ, hòa là con đường đi chung cho tất cả thiên hạ.***

Thánh non tiếp giải hai chữ trung hòa, gọi *trung là cái gốc lớn*. Cái gốc lớn này chỉ cái “*tánh thiên mạng*” (tánh Trời ban phú). Tại sao mà gọi là gốc lớn ? Vì cái lý trong thiên hạ đều từ trong chỗ đó mà phát xuất. Vậy ***trung là bổn thể của đạo***. Còn *hòa thì gọi là con đường đi chung*. Con đường đi chung này là chỉ câu “*noi theo tánh*”. Tại sao mà gọi là con đường đi chung. Vì xưa nay thiên hạ, chẳng một ai, không có bổn phận phải noi theo con đường đó. Vậy ***hòa là công dụng của đạo***.

Chúng ta giao thiệp cùng nhau hằng ngày, người và người đối với nhau, thì giữa đôi bên, làm sao chẳng có tình phát hiện. Nếu ta làm sao cho nó phát hiện vào mỗi trường hợp đặng chánh đáng, thì gọi là hòa. Đã hòa tất nhiên sẽ đặng yên ổn, vui vẻ, thì còn có trở ngại nào mà

không chung cùng với nhau. Cho nên nói rằng : Hòa là con đường đi chung cho tất cả thiên hạ. Hòa cũng là dung (dung), mà dung phát ra trũng tiết mới gọi là hòa, bằng không trũng tiết thì đâu phải là hòa.

Chỉ có hai chữ trung và hòa, mà các công việc, từ một cá nhân đến một thế giới, thầy đều qui nạp vào trong hai chữ đó cả. Nếu ai ai cũng hành đúng theo chánh nghĩa của hai chữ trung hòa, thì cái hiệu quả sẽ thấy “*phổ bác như thiên, yên tuyền như yên*”, nghĩa là : rộng khắp như trời, thăm sâu như vực, ghi trong sách Trung Dung.

Sách Trung Dung dạy: “**Trí trung hoà, thiên địa vị diên, vạn vật dục diên**”.

Thầy Châu Tử giải rằng : *phát triển tột độ chữ trung (trí trung), thì trời đất yên ngôi ; phát triển tột độ chữ hòa (trí hòa) thì muôn vật thỏa sống.*

Đoạn câu trên có nghĩa là : “*dùng chữ **trung tột độ** phát ra cho nhằm lẽ, thì gọi là **hòa***” Đó mới là nghĩa chánh xác của đoạn câu “**trí trung hòa**”, nói đủ chữ là : “**trí trung ư hòa**”. Cho nên hai chữ « trí trung », gần như chữ “**dụng trung**” nghĩa là : dùng chữ trung đó (vô hình), mà thiết hiện ra đặng hòa (thấy trong việc làm), thì trời đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống, đều là cái hiệu quả của dụng trung cả. Cái đại bản là gốc lớn đã lập rồi, thì cái « **đạt đạo** » (đường đi chung kia) mới là thông suốt được.

Từ xưa nay, nhiều người giải thích sai lầm câu này, thành ra chia chữ kép **trung-hòa** ra làm hai phần riêng biệt, nên nói : *trí trung, trí hòa*. Đó là : điều làm .....

(2) Tóm lược ý theo bài giảng “**Trung Dung Chơn giải**” của Ngài **Định-Pháp Tông-Lý MINH-THIỆN**.



**Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy :**

(..... ) Nên **TRUNG** là tự tánh vô vật, vô hình.  
Khi đã hình ra là *Tượng*

*Tượng* khế hợp với bốn mùa, không sai siển gọi là **HÒA**.

“**TRUNG HÒA**” là gốc lớn của Đạo. Nên khuyên đạo hữu không vào được thể “Trung” thì phải giữ được thể “Hòa”.

**HÒA** là **chánh niệm**.

**TRUNG** là **vô niệm**.

Tu khi nào trực nhập với hai môn đó cũng gọi là thành đạo rồi.

Nên lưu ý ba chữ: TRÍ – TRUNG – HÒA ở dưới giảng đường, và nên lưu ý: THẬP MỤC NGŨU ĐỒ, đó là môn chánh tâm của đạo MINH LÝ .




 **Câu liên:**

**THÔNG TAM TẠNG ĐƠN THIỀN NHỨT QUÁN  
SUỐT LỤC KINH TÁNH MẠNG TINH TUYỀN**

*Do Đức Hưng Đạo Đại Vương ban cho ngày 14/12/1974  
(trích trong bài Xưng Tụng Công Đức Bác Nhã Thiền Sư).*

Hai câu Kinh trên là một câu đối hoàn chỉnh cả từ và ý nghĩa.

 **Ý nghĩa:**

**THÔNG:** biết rõ sâu rộng, uyên bác

**SUỐT:** Thông thạo, biết rành

**TAM TẠNG:** là ba bộ kinh quan trọng nhất của Phật giáo (Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng), là nền tảng giáo lý và triết lý của Phật giáo.

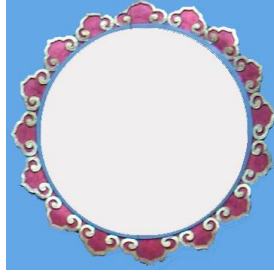
**LỤC KINH:** 6 bộ kinh của Nho Giáo là: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc và Xuân Thu; là các sách kinh điển của Nho giáo do Đức Khổng Tử soạn.

**ĐƠN** là con đường tu chứng của Tiên gia. **THIỀN** là con đường tu chứng của Phật gia. Đơn thiền là con đường tổng hợp pháp môn của Chư Tiên, Chư Phật.

**TÁNH** là tu *Thiền*, **MẠNG** là tu *Đơn* (tánh mạng song tu). Tánh Mạng song tu là vừa tu Tánh vừa luyện Mạng, hai phép tu cùng thực hiện song song với nhau.

**NHỨT QUÁN:** Chỉ lấy gốc ở *một lý* mà thông suốt muôn việc.

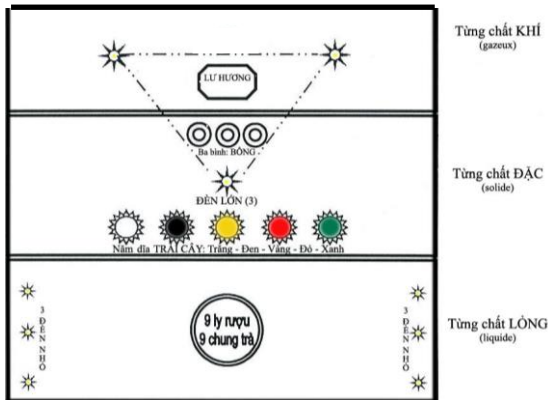
**TINH TUYỀN:** Nhứt như, thuần túy không lẫn lộn với muôn việc khác



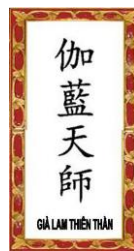
## THỜ PHƯỢNG

**Bác Nhã Tịnh Đường** thờ Thượng Đế và Tam Giáo Đạo Chủ. Một tấm kiến tròn tượng trưng Thượng Đế ở trên, còn dưới là ba bài vị: **Tây Phương Phật Tổ, Văn Tuyên Khổng Thánh, Thái Thượng Lão Quân**. Bài vị **Tây Phương Phật Tổ** (tức đức Thích Ca Mâu Ni) ở chính giữa, ngay ngọn đèn lưu ly (vô cực đặng) để giữa hình tam giác treo ngay tại Bửu điện – tiêu biểu cho Trung Đạo.

Phía dưới là bàn bằng gỗ cẩm lai, trên mặt có trải tấm nấp bàn lớn phủ trùm 4 phía. Nấp bàn làm bằng vải, có hai màu: ở trong màu đỏ, vòng ngoài bì màu vàng. Trên bàn gỗ cẩm lai có 3 cấp để sắp xếp các lư trầm, đôi hạc đứng trên mình rùa, hương đèn (tất cả đều bằng đồng) và các lễ phẩm theo thứ tự như sau:



Hình tam giác của ba ngọn đèn lớn ở bàn đàn là Thi Giác (tức Bác Nhã), đối với đèn lưu ly thì ngọn đèn này Bồn Giác. Thi và Bồn đồng một bồn thể  $\star$  mới hiệp thành Tánh Giác Bồn Lai, Chơn Như Phật Tánh, tức là thành Đạo.







源水本木



子孝孫賢啟後人

前賢創業  
歷代祖先  
後賢守成

宗功祖德開前業

NGUYÊN THỦY BỒN MỘC

TỬ  
HIẾU  
TÔN  
HIỀN  
KHAI  
HẬU  
NHƠN

HẬU  
HIỀN  
THỦ  
THÀNH

LỊCH  
ĐẠI  
TỔ  
TIÊN

TIÊN  
HIỀN  
SÁNG  
NGHIỆP

TÔNG  
CÔNG  
TỔ  
ĐỨC  
KHAI  
TIÊN  
NGHIỆP

**Lịch:** Trái qua, từng trái, **Đại:** đời, **Tiên:** trước, tổ tiên

**LỊCH ĐẠI TỔ TIÊN :** là tổ tiên trải qua nhiều đời

**+** Câu liên: MỘC BỔN THỦY NGUYÊN

**+** Ý nghĩa:

*Cây có Cội, Nước có Nguồn*

**+** Câu liên:

**TÔNG CÔNG TỐ ĐỨC KHAI TIÊN NGHIỆP  
TỬ HIẾU TÔN HIỀN KHẢI HẬU NHƠN.**

**+** Ý nghĩa:

*Công đức của tổ tiên khai sáng (lập nên) cơ đồ sự nghiệp*

*Con hiếu cháu hiền bày tỏ sự việc (mở mang) cho đời sau.*

**+** Câu liên: TIÊN HIỀN SÁNG NGHIỆP

**HẬU HIỀN THỬ THÀNH**

**+** Ý nghĩa:

*Hiền nhân thuở trước (Tổ Tiên) xây dựng sự nghiệp*

*Hiền nhân đời sau (Con cháu) giữ vững sự nghiệp cho vẹn toàn.*



## HÌNH THỨC XÂY DỰNG

**Nguyên-tắc xây dựng:** Theo thuyết *Tam ngũ nhất* hay là nói đủ chữ: *tam ngũ hiệp nhất*. **Nóc chùa Tam-Tông Miếu** chia ra có **ba phần**, từ ngoài đi vô trong:

○ Phần thứ nhất là **Ngũ-hành đài**, hay là *lầu chuông có 5 nóc*. Ngũ-hành đài là mấu chốt của vạn sự vạn vật

○ Phần thứ nhì là **Tam-Cực Linh đài**, là Lễ-bái đường, tức là chỗ bôn-đạo tề tựu mà làm lễ Trời Phật, *có 3 nóc*. Đài này lấy Hoàng-Cực là phương-châm qui nhất, làm phương-pháp tu học, làm cơ-sở truyền đạo và sự liên-lạc cùng Trời và các Thần Thánh Tiên Phật, ở thế này và các thế-giới bên kia.

○ Phần thứ ba là **Châu-thiên đài** - là Bửu-điện, tức là chỗ thờ Thượng-Đế và Phật, Tiên, Thánh, có *một nóc tròn* mà thôi. Ngôi này là chỗ Thiên-triều, mà Thượng-Đế và các đấng Thiên-liêng làm Tòa ngự lập-pháp. Đó là **Bạch-Ngọc kinh**, hay là cảnh Tối-thượng Niết-bàn.

Đạo Minh Lý lấy ba quẻ : *Trạch Lô Tù*  , *Địa Lô Phục*  , *Thiên Lô Vô Vọng*  làm tôn chỉ nên để quẻ **Chấn**  ở giữa (trên bàn thờ Hộ Pháp), quẻ **Đoài**  trên nóc Tam cực đài, còn hai bên nam nữ mặt tiền là quẻ **Kiến**  , quẻ **Khôn**  . Ba quẻ này hiệp với quẻ Chấn là thành ba tôn chỉ.

- **Tù** là đường lối Nho tông trị **Thế**
- **Phục** là Đạo gia trị **Thân**
- **Vô Vọng** là Phật tông trị **Tâm**

TINH ĐƯỜNG  
ĐÀ TOA HỒ THIÊN ĐÔNG  
ĐỊA KIẾN CHƠN NHƯ

靜堂打坐壺天洞地見真如



ĐẸC NHÃ KHAI THÔNG LỤC THỦY THANH SƠN ƯNG ĐIỀU PHÁP

般若開通綠水青山應妙法



 Câu liên:

TỊNH	静	般	BÁC
ĐƯỜNG	堂	若	NHÃ
ĐẢ	打	開	KHAI
TỌA	坐	通	THÔNG
HỒ	壺	綠	LỤC
THIÊN	天	水	THỦY
ĐỘNG	洞	青	THANH
ĐỊA	地	山	SƠN
KIẾN	見	應	ỪNG
CHƠN	真	妙	DIỆU
NHU	如	法	PHÁP

Đôi liên này do Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương ban cho ngày 29/7/1970

Dịch:

*Trí Bác-Nhã đặng mở rộng thông suốt, thì nước biếc non xanh ứng cùng pháp vi diệu.*

*Nhà Tịnh-đường này tham thiền nhập định, khắp bầu trời hang đất, đều thấy được Chơn-như.*

 Ý nghĩa:

NHỨT  
NIỆM  
TÂM  
KHAI  
ĐẮC  
LAI  
THẬT  
TƯƠNG  
HỮU  
HÀ  
NAN

一念心開得來實相有何難



眾生性局踏破鐵鞋無覓處

CHÚNG  
SANH  
TÍNH  
CỤC  
ĐẠP  
PHÁ  
THIỆT  
HÀ  
VÔ  
MỊCH  
XỨ

 Câu liên:

Tại hai cột (gần bàn thờ Hộ Pháp) có hai câu liên:

NHỨT	一	眾	CHÚNG
NIỆM	念	生	SANH
TÂM	心	性	TÁNH
KHAI	開	?????	CUỘC
ĐẮC	得	踏	ĐẠP
LAI	來	破	PHÁ
THẬT	實	鐵	THIỆT
TƯỚNG	相	鞋	HÀI
HỮU	有	無	VÔ
HÀ	何	覓	MÍCH
NAN	難	處	XÚ

Dịch:

*Tánh chúng sanh chật hẹp (vô minh) đi mòn giày sắt chẳng thấy đạo ở đâu*

*Một niệm làm khai mở tâm trí Bác Nhã, nhận thấy chơn ngã không có gì là khó*

 Ý nghĩa:



Bàn thờ HỘ PHÁP

MAI  
HOA  
NHẬP  
TỌA  
GIÁC  
PHONG  
LAI

梅  
華  
入  
禪  
覺  
空  
來

TRÚC  
ẢNH  
HOÀNH  
LIÊM  
TRI  
NGUYỆT  
XUẤT

竹  
影  
橫  
梁  
垂  
月  
出

 Câu liền:

Hai bên bàn thờ Hộ Pháp có hai câu liền sau:

MAI	梅	竹	TRÚC
HOA	花	影	ẢNH
NHẬP	入	橫	HOÀNH
TỌA	座	簾	LIÊM
GIÁC	覺	知	TRI
PHONG	風	月	NGUYỆT
LAI	來	出	XUẤT

Dịch:

- (Nhờ) bóng trúc in trên màn treo ngang nên biết trăng hiện ra
- (Nhờ) hoa mai rơi vào chỗ ngồi nên biết là có gió thổi.

 Ý nghĩa:

# PHỤ LỤC

---

## BÀI GIẢNG

### Giải nghĩa đôi liễn tại Bác-Nhã Tịnh-đường

Ngày 21 tháng 10 năm 1970 (Canh Tuất)

*Thưa chư quý đạo-hữu,*

Tôi rất hân hạnh xin báo tin cho chư đạo-hữu rõ:

Công việc xây cất Chánh-điện Bác-Nhã Thiên-đường tại Long-Hải (Bà-rija) nay đã xong về phần lớn là đúc ciment cốt sắt, chỉ còn các phần lợp ngói, lót gạch, gắn cửa, gắn tay vịn thang lầu, gắn bao lam chỗ đèn thờ, v.v..., tưởng có thể hoàn tất trong đôi ba tháng nữa.

Như các đạo-hữu đã biết, tôi có xin Bê-Trên cho một đôi liễn để ở chánh-môn của Chánh-điện, cũng y như ở cửa Chùa Tam-Tông Miếu, chỗ ghi câu: “Thống Tam-Giáo dĩ tôn sùng, v.v...” vậy.

Đức Trần-Hung-Đạo Đại-Vương có ban cho ngày 29-7-70 đôi liễn sau này:

**Bác-Nhã khai thông, lục thủy thanh sơn  
ưng Diệu-pháp,**

**Thiên-Đường tịnh tọa, hồ thiên động địa  
kiến Chơn-như.**

*Trí Bác-Nhã đặng mở rộng thông suốt, thì nước biếc non xanh ứng cùng pháp vi diệu.*

*Nhà Thiên-đường này tham thiên nhập định, khắp bầu trời hang đất, đều thấy được Chơn-như.*

Ngài có hỏi: “Hiền-hữu Minh-Thiện có dự định câu nào, nên đưa ra đây bàn giúp cho...”.

Hôm nay, tôi xin trình đôi liên theo ý ngu của tôi, để nhờ Bề-trên chỉnh lại.

**Bác-Nhã tâm khai, tuệ chiếu vô-minh  
hườn Bồn-giác;**

**Tịnh-Đường khí phục, đơn thành nhứt lập  
thoát Thai-thần.**

Hai chữ *Bác-Nhã* câu đầu là của nhà Phật, tôi muốn sao hai chữ câu sau là của Đạo-giáo. Chữ Thiên-Đường cũng là chữ nhà Phật, vậy xin sửa lại là: *Tịnh-Đường*, có lẽ tốt hơn.

Nhơn dịp hôm nay, tôi xin giải nghĩa luôn đôi liên của tôi viết ra. Đôi liên này gồm hai câu: câu đầu nói về phép tu của nhà Phật lấy Bác-nhã làm căn-bổn. Còn câu sau nói về phép tu của Đạo-giáo lấy Huyền-quan làm căn-bổn.

Vì chúng ta gồm cả hai phép tu đó, bề ngoài về danh từ tuy thấy khác nhau, mà bên trong về huyền nghĩa của nó thì không phải thiệt khác. Hai phép vẫn bổ túc cho nhau: một bên tu tâm, một bên tu khí. Phật-giáo dạy tu tâm, kỳ thiệ cũng có khí ở trong đó. Đạo-giáo dạy tu khí, kỳ thiệ không có tâm thì khí chẳng thành công.

*Tâm* và *Khí*, hoặc gọi là *thần khí*, hoặc gọi là *tánh tướng*, hoặc gọi là *lý sự*, v.v., hai chữ đó không thể nào rời nhau, tỉ như chiếc xe có hai bánh, thiếu một bánh thì không thể đi đâu được, đứng một chỗ còn không vững kia mà !

Vậy tôi xin nhập đề, nghĩa là: bắt đầu giải riêng nghĩa của một câu liên, rồi sau mới thấy được hai câu ấy tương quan như thế nào.



✚ CÂU THỨ NHỨT: **Bác-Nhã tâm khai, tuệ chiếu vô-minh hườn bốn giác.**



## BÁC-NHÃ TÂM KHAI

Tiếng phiên âm: *Bác-Nhã* là phiên âm chữ *Prajnâ* của nước Ấn-độ. Người Trung-Hoa viết chữ *Ban-nhược* ( 般若 ), mà phải đọc là Bác-nhã. Có nhiều tiếng phiên âm khác nữa, đây xin miễn lục.

Các sách Phật thường viết *Bát-Nhã*, nghĩa là tiếng *Bát* với chữ **t**. Nhưng tôi thấy trong sách chữ Trung-hoa bây giờ có chỗ viết *Bác* là rộng. Theo ý ngu của tôi, thì viết chữ *Bác* này có lẽ đúng hơn, vì *Bác-nhã* là đại trí-huệ. Còn tiếng *Bát* kia, viết bằng chữ **t**, có lẽ viết phiên âm phỏng chừng lâu ngày thành thói quen, chớ không có nghĩa gì chính xác.

Nghĩa chữ **Bác-Nhã**: Theo *Phật-học đại từ-điển (Danh số)*, *Bác-nhã* nghĩa là Đại-giác của tánh Viên-thường (Viên-minh). Một giác mà có ba đức:

1. *Thật-tướng Bác-nhã*, là Lý-thể của Bác-nhã, mà chúng sanh vốn từ xưa ai ai cũng sẵn có. Nó xa lìa nhứt thiết tướng hư-vọng, tức là Thật-tánh của Bác-



nhã. Đó là Lý-thể mà người tu hành cứu cánh đặng chúng.

2. *Quán chiếu Bác-nhã*, là Thật-trí quán chiếu Thật-tướng.
3. *Phương-tiện Bác-nhã*, là quyền trí phân biệt của pháp.

“**Bác-nhã khai tâm**” nói đây tức là quán chiếu Bác-nhã.

- Sao gọi là Quán chiếu Bác-nhã?
- Quán chiếu đây là quán chiếu Thật-tướng, Thật-tánh, soi thấu Lý-thể.

Nghĩa **Tâm khai**: Mà muốn quán chiếu thì phải tâm khai. Tâm của kẻ thường-nhơn, làm sao mà quán chiếu cái Thật-tánh, cái Lý-thể nói trên đó là vô hình vô tướng được? Vì vậy, muốn quán chiếu thì phải phát tâm bồ-đề, phải tu thiền-định, dẹp trừ thất tình lục dục, các thứ tâm bất chánh, thì tâm Bác-nhã mới hé mở, nên gọi là “tâm-khai”.

Nói một cách khác: *Phàm tâm chết thì Đạo tâm mới sanh*.



## TUỆ CHIẾU VÔ-MINH

Tuệ chiếu: Bác-nhã là Thật-trí quán chiếu Thật-tướng, vốn là đại trí-tuệ, sao lại có khai, có đóng?

Trí-độ Luận có nói: Bác-nhã, người Trung-Hoa gọi là trí-tuệ. Nó là cao hơn hết ở trong các thứ trí-huệ khác: vô thượng, vô tỉ, vô đẳng, lại vô thắng nữa.

*Vậy sao còn phải làm gì cho nó khai mở sáng suốt?*

Kinh Lăng-Nghiêm chú thích có nói: Xưa kia, nó là Bồn-giác vốn không mê muội, mà vì có Vọng-giác (tức là vô-minh), nên tợ như mê. Vì có Vọng-giác mới có Thi-giác, nên tợ như có giác.

Cái trí Thi-giác Bác-nhã (cái trí Bác-nhã mới khai lúc ban sơ) ở trong lòng người, bị khí bám sở câu, vật dục sở tế, thế nào mà đặng hoàn toàn sáng suốt. Phải có công-phụ tu hành lâu ngày mới có thể hiệp với Thật-tánh, Thật-tướng nói trên.

Trong cuốn Minh-Lý Học-thuyết, có đoạn giải về cái đèn lưu-ly treo tại Chánh-điện, trên và giữa các bài vị như vậy:

*“Giải theo Phật-giáo, cái đèn lưu ly là “Bồn-giác Chơn-như”, Còn cái đèn lờn ở giữa bàn đàn là Bồn-giác tùy nhiên” ở trong xác thân mỗi người, để hoạt động trên cõi thế gian, làm nhiều lợi ích cho nhơn-loại. Cái Bồn-giác tùy nhiên phải có lòng lo tu, ban sơ gọi là Thi-giác (mới phát tâm theo con đường đạo).*

*“Thi-giác và Bồn-giác vốn đồng một bản-thể, Thi-giác là hiệp ba cái đèn lớn ở Bàn đàn, thì thành hình Tam-giác, cũng như đèn lưu-ly tam-giác. Người tu thì Thi-giác tiến hóa lần lần đến cứu cánh, mới chứng quả Phật, là thành Đạo”.*

Đây nói: Tuệ chiếu vô-minh, phải biết Thật-tánh của Phật, vốn như như bất động, không có thay đổi, mà vì giác minh (muốn theo ý phàm làm cho nó sáng, cho nó giác), nên nó lăn lộn tới nay trong dòng sanh tử.

Nên Kinh Phật nói: “*Phi tạ đại-trí chiếu liễu, dân kiến vong tình, tuy hữu Chơn-nguơn, vô do hiển phát*”. Nghĩa là: Trừ phi đại-trí (tức là trí Bác-nhã) quán chiếu và hiểu biết Thật-tánh, làm cho tiêu hết tà kiến, quên cả dục tình, thì tuy có Chơn-nguơn (có Thật-tánh) mà không biết do đâu để làm cho nó hiển trình phát lộ.

- Đây nói: “*Đại-trí chiếu liễu, dân kiến vong tình*”, nghĩa là: Phải nhờ có đại-trí quán chiếu và hiểu biết Thật-tánh, mới làm cho tiêu hết tà kiến, quên cả dục tình; mà tà kiến, dục tình, có phải là vô-minh chăng?

- Ngoài trí Bác-nhã ra, không có gì trừ nổi Vô-minh. Tỉ như trong một cái phòng đen tối, sức người không làm sao đuổi hết sự đen tối đó được. Ta chỉ đốt đèn lên, thì đen tối tan mất, khỏi cần phải dụng sức đuổi nó đi, mà nó vẫn đi nhanh chóng. Huệ chiếu Vô-minh, thì cũng có hiệu quả như thế đó.



## HUỒN BỔN-GIÁC

Trước đã nói: Thi-giác Bác-nhã và Bổn-giác Bác-nhã vốn đồng có một bản-thể, chớ chẳng phải ngoài Bổn-giác Bác-nhã ra mà riêng có Thi-giác Bác-nhã. Thi-giác Bác-nhã là Bác-nhã dường như mới phát được một phần mà thôi. Còn Bổn-giác Bác-nhã là Bác-nhã căn-bổn, vốn tự nhiên hoàn toàn sáng suốt.

Tỉ như một người học trò mới đi học, thì nó còn bập bẹ, đọc sách chưa rành. Nhờ nhiều năm đèn sách, sôi kinh nấu sử, mà một ngày kia thi đỗ Trạng-

nguyên. Cái trí óc của người học trò đó không phải nhờ có Ông Tiên nào hay Ông Phật nào đổi mới. đặng phát triển thông minh sáng suốt hơn trước, mà do sức của đương sự cố công mài sắt chày ngày nên kim.

Sự tu hành thì cũng y như thế. Nhưng một khi đã thành công, là Thi-giác hoàn hiệp với Bản-giác làm một, thì gọi là “Lý trí nhưt như”, nghĩa là Lý và Trí có một tánh Chơn-như mà thôi. Mà Chơn-như là Tánh-giác Diệu-minh.

Kinh Phật nói: “*Thử Diệu-minh bất sanh bất diệt, nãi do Thi-giác hườn hiệp Bản-giác*”. Nghĩa là: Cái Tánh-giác Diệu-minh này chẳng sanh chẳng diệt, do Thi-giác trở lại hiệp với Bản-giác. Thi-giác hiệp với Bản-giác rồi, thì hai tên Thi-giác và Bản-giác cũng mất không còn nữa, bởi hiệp đúc nên Tánh-giác Diệu-minh, thành có một Chơn-như Phật-tánh. Đây có phải là chánh nghĩa của câu Bá-cách-Sum (Bergson) nói: *le sujet (trí) et l'object pensé (lý) se confondent une seule et même chose* (Tánh-giác Diệu-minh, Chơn-như Phật-tánh).

Nhưng tôi xin nhắc chừng chư đạo hữu: Cái tỉ-dụ này không phải thiết đúng như vậy, tôi chỉ mượn đỡ nó mà giải thích, cho chư đạo-hữu đặng hiểu một khía cạnh nào đó thôi. Đừng chấp nê sát theo lời nói của tôi, mà phải chịu lầm lạc nhé ! Nếu các đạo-hữu dùng Lý-trí giác-quan mà hiểu, thì không đi tới đâu là đâu.

Kinh Lăng-Nghiêm nói: “*Minh Lý bất du, dĩ thị nhân duyên, thỉnh bất xuất thỉnh, kiến bất siêu sắc*”

.....”. Nghĩa là: Tìm lý bằng cách đó thì không đi xa được, thấy chẳng ra khỏi sắc màu ... Vì phần cao siêu của Đạo khó mà nói ra được. Nên Phật nói Kinh 49 năm, mà trong Kinh Kim-Cang Phật nói: *Ta chẳng có nói gì hết.*

- Tại sao ?

- Vì cái mà nói ra đó không phải là hoàn toàn Chơn-lý, liệu mà tìm hiểu, liệu mà lãnh hội. Nó chỉ đúng với một khía cạnh nào đó thôi, đừng chấp nhưt một mặt mà thành bất thông. Phải nghe nhiều lần, đủ mọi mặt, rắng suy nghĩ, chớ vội tin. Khó ôi là khó !



✚ CÂU THỨ NHÌ: **Tịnh-Đường** khí phục, đơn thành nhưt lịp thoát Thai-thần.



## TỊNH-ĐƯỜNG KHÍ PHỤC

Nghĩa **Tịnh-đường** : **Tịnh** là tịnh lự, nghĩa là: dẹp hết các sự lo lắng theo thế gian. Còn **Đường** là nhà, nhà tu, là nơi an dưỡng tinh-thần. Cũng gọi là tu-viện, là tịnh-xá (*monastère*). Nhưng đây không phải là nhà tu trọn đời, mà khi tu chứng được rồi, người tu phải ra đi độ người, truyền bá giáo-lý của đạo Minh-Lý, để mở mang mỗi đạo lành trong thiên hạ.

Nghĩa **Khí phục** : Khí là hơi thở. Hơi thở trong miệng mũi qua lại, gọi là hô hấp ra ngoài. Hơi thở do Kiền Khôn khép mở là hô hấp ở trong.

Có bài thơ chứng minh hơi thở Kiền Khôn ở trong như thế này:

*Lão-tử truyền khai chúng-diệu môn,  
Mở ra khép lại, ứng Kiền Khôn.  
Quả trong tâm địa dứt hình tướng,  
Hiện xuất trường-sanh bất tử nhơn.*

Kể đây là bài chê cái hô hấp ở ngoài:

*Máy kẻ biết rành Huyền-tân môn,  
Đừng đem miệng mũi thở tâm rồn.  
Dấu người khi khịt ngàn năm nữa,  
Không thể quạ vàng xốt thở con.*

Hô hấp ở ngoài là việc thuộc về sắc thân, tiếp tế hậu thiên, để dưỡng hình vóc. Hô hấp ở trong là việc thuộc Pháp-thân, tài bồi tiên-thiên, để dưỡng Cốc-thần (Nguyên-thần).

Hô hấp ở trong vốn tự trong Thiên-mạng mà ra, chẳng phải vật đồng loại như nó, thì không thể gần với nó được. Bởi đó Thánh dùng cái pháp Phục khí (伏炁), đoạt khí xung hòa trước lúc có trời đất, trở ngược lên song-quan, phản tiên vi hậu, để đạt tới bản-căn, khiến cho khí mẹ qui phục (trở lộn về) vào trong khí con, mẹ con quyen luyện tại đó, thì mỗi hơi thở đều qui căn, mà làm mẹ sanh ra Kim-đơn.

Người tiên bối có nói:

*Phục khí bất phục khí,  
Phục khí tu phục khí.  
Phục khí bất trường sanh,  
Trường sanh tu phục khí.*

Nghĩa là: Một chữ phục có nghĩa là : đè nén, hành phục. Nghĩa chánh là: đem trở lại căn-bổn. Còn chữ phục khác, nghĩa là : hóp, nuốt vào.

*Nén khí phải nào là hóp khí,  
Hóp khí thì đừng, nên nén khí.  
Hóp khí làm sao đặng sống lâu,  
Sống lâu nhờ bởi đè nén khí.*

Đây nói “**phục khí**” là đè nén cho hơi thở trở về căn-bổn, trở thành khí tiên-thiên, mà tiên-gia cũng gọi là Chơn-tức. Có khí phục rồi mới có kết thai tiên, cũng gọi là: Thánh-thai, Thai-thần.

Cổ nonh vân: “*Thai tòng phục khí trung kiết, khí tòng hữu thai trung tức*”. Nghĩa là: Thai-thần phải nhờ có phục khí mới kiết được, còn khí này do thai-tức mới thở tiên-thiên. Hai bên làm nguyên nhân lẫn cho nhau mà càng lớn càng mạnh.

### ĐƠN THÀNH NHỨT LẬP

“**Đơn**” đây tức là Kim-đơn. Nhà thuốc thế gian lấy hai chữ đó mà đặt tên thuốc hoàn của họ bán, thành thử hai chữ Kim-đơn nói đây, thiên hạ hiểu là thứ thuốc cao đơn hoàn tán. Có ai chịu khó giải cho họ biết cái nghĩa của Đạo-giáo dùng, là nghĩa vô hình vô tướng.

Đây là nghĩa Kim-đơn trong một bài thơ, theo Đơn-kinh của Đạo-giáo:

*Tiên-thiên Bổn-tánh thị Kim-đơn,  
Bát quái lư trungn luyyện tác hoàn.  
Cử thể mê hồn tâm ngoại dược,  
Thân xan, vọng tướng thượng vân đoan.*

Nghĩa là:

Bổn-tánh tiên-thiên ấy gọi đơn,  
Trong lò bát quái luyện thành hườn.  
Người mê tìm thuốc ngoài thân thể,  
Vừa uống, tưởng đâu mây đỡ chân.

Lại có một bài khác:

*Bổn-lai Chơn-tánh hiệu Kim-đơn,  
Tứ đại vi lực, luyện tác đoàn.  
Ngộ chi già, lập tề Thánh-vức,  
Mê chi già, vạn kiếp trầm luân.*

Nghĩa là:

Bổn-lai Chơn-tánh gọi Kim-đơn,  
Tứ đại làm lò, luyện hiệp hườn.  
Kẻ hiểu tức thì về Thánh-vức,  
Người mê muôn kiếp chịu trầm luân.

Đức Alfred Ava Tiên giảng bút có giải hai chữ Kim-đơn bằng chữ Pháp như thế này: “*Le principe de la vie n'est pas dans une pilule, malgré tous les rêves qui ont été faits à ce sujet : le remède matériel est une chimère ; l'élixir de longue vie a toujours fui devant les yeux ?*”. Nghĩa là: Cái đạo sống chẳng phải ở trong một hườn thuốc, mặc dầu người ta mơ mộng rất nhiều như thế: món thuốc hữu hình là vật huyền-hóa; rượu thuốc trường sanh vẫn lánh trước mắt con người.

Trong cuốn “Đạo-Học Chỉ-nam” của Đạo Minh-Lý, Đức Thánh Trần-Hung-Đạo có nêu làm tựa Chương thứ ba như vậy: “*Đạo-pháp nhứt đơn*”. Có phải là đơn tôi nói đây chăng?



“**Nhứt lip**” nghĩa là một hột. Mỗi ngày nuốt được một hột, lâu ngày Chơn-tức càng mạnh thì thai-thần càng đầy đủ, chỉ còn chờ ngày giờ, đúng kỳ thập nguyệt, thì thai-thần siêu xuất.



## THOÁT THAI-THẦN

Trong cuốn Minh-Lý Chơn-giải, Đức Thánh Trần-Hung-Đạo có nói:

*Muốn được Đạo phải cho cương quyết,  
Tuần tự theo chín tiết công-phu.  
Nội-đơn, ngoại-dược toàn thu,  
Thoát-thai thần-hóa, vân du độ đời.*

Đủ thấy thoát thai-thần là thoát ra khỏi xác phàm.

- *Cái chi thoát ra ngoài ?*
- Đó là thai-tức (hơi thở tiên thiên), hóa ra thai-thần (nguyên-thần), xuất hồn vân du khắp nơi. Ban sơ còn yếu thì xuất gần, đến sau có đủ công phu rồi, mới là xuất xa được.

Tiến lên một tầng công phu nữa, là người tu đặng giải thoát rồi, còn phải lập nên công hạnh, vân du độ đời, ngõ dù dắt nhơn-sanh trên con đường Chánh-pháp <sup>1</sup>



---

<sup>1</sup> Lời bình phẩm của Đức Thánh Trần: “Theo câu liễn của Hiền thi được sát hơn, nhắm tôn chỉ, lập phương tu. Còn câu của Bản Thánh lại nhắm ngay mục đích của hàng thượng-cần nhập Chơn-như bình-đẳng, thì Bản Thánh để nhượng cho câu đối của Hiền có phần dẫn nhập, có phương thiên quán đi đến Tổng-trì môn.”

## KẾT-LUẬN



Nếu ai chưa đọc Kinh Tiên sách Phật, thì hai câu liên này rất khó hiểu. Tại sao khó hiểu? Vì đây dùng nhiều danh-từ “thuật ngữ” của tôn-giáo. Mà nếu dùng danh-từ thông thường theo thế-gian, thì không làm sao giải bày đủ ý-kiến trong một đôi liên, vì nó có số chữ nhứt định, có vận bình trắc, có đối đáp với nhau . . .

Về mặt thiệt hành, trong đôi kiển này có hai chữ cao nhứt là: ***Bác-nhã*** và ***Khí phục***.

Không có Bác-nhã thì không thể nào tu thành Phật, không có Khí phục thì không bao giờ tu thành Tiên. Trên đã nói nghĩa Bác-nhã là đại trí-huệ, cao hơn các trí-huệ khác. Chư Phật đều nhờ trí Bác-nhã mà đặng thành Phật. Cho nên Bài Tâm Kinh của Đạo Minh-Lý có câu:

***Mười phương chư Phật muôn vàn,  
Đều nương Bác-nhã là đàng bến mê.***

thì đủ rõ giá trị của hai chữ Bác-nhã là thế nào.

- Còn nghĩa *Khí phục* là sao?

- Trên tuy tôi có giải rồi, mà vì trong câu liên khó dùng tên thiệt của nó, nên đây tôi phải bỏ túc. Tên thiệt của nó là: “***Huyền-quan nhứt-khiếu***”, nghĩa là: Một trung-tâm phát xuất đủ các thứ huyền-diệu.

Đức Lão-Tử gọi cái khiếu này là: “***Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn***”. Nghĩa là: Cái cửa phát sanh các thứ pháp diệu (dầu cho Trời Đất, võ-trụ, người vật ... cũng đều ở trong cửa đó mà ra), nó

huyền diệu trên các thứ huyền-diệu, huyền diệu hơn cả tất cả.

Nói theo Kinh Châu-Dịch, thì nó là Thiên-Tâm trong quẻ Địa-Lôi Phục, nên trong Soán truyện của quẻ này có nói: “*Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ?*”. Nghĩa là: Phải là thấy lại cái Tâm của Trời đất đó chăng?. Đây nói: “Thiên địa chi tâm”, mà nói cho gọn là “Thiên-tâm”<sup>2</sup>.

Trên chỉ luận về Phật-giáo và Đạo-giáo. Trong đoạn kết luận này, tôi xin lấy câu Kinh Châu-Dịch nói trên, là căn-bản của Nho-giáo, để thêm vào cho đủ ý nghĩa của Tam-giáo, tuy thù đồ mà cũng đồng qui, nghĩa là: Tuy phương pháp có khác, chớ nguồn đầu chỉ có một mà thôi.



Các đạo-hữu nên trước xem kỹ bài này, chớ có dấp, một ngày gần đây, tôi đem ra giảng rộng.

**RẤT LÒNG THÀNH TÍN  
NGUYỄN-MINH-THIỆN**

---

<sup>2</sup> Nên trúc cơ là tịnh định từ ngoài đến trong, từ đầu đến cuối, như quẻ Khôn nội quái thuần tịnh, thuần không, hư linh bất muội, mà quẻ Phục hiện ra. Nên Kinh Kim Cang có câu: “Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, nghĩa là: trụ vào chỗ chơn-không bất động, hờn hờn tự nhiên.

Đó là trở về với Mẹ, nương trong bào thai người Mẹ. Nên sống hờn nhiên vô-vi, vượt ngoài phạm-tánh mà có tên là: “Xích tử chi tâm, anh nhi vi hài”. Đã thuần chơn thanh-tịnh như Khôn, thì Chấn khởi một hào, gọi là quẻ Phục. Đó là nghĩa chữ “nhi sanh kỳ tâm” là Thiên địa chi tâm. Nếu không biết chỗ “nhi sanh kỳ tâm”, thì làm sao gọi là Phục, làm sao biết tri-kiến lấy đơn hái thuốc, vận hỏa tiến dương?

(Coi TN số 115 R ngày 12-12-1968)



**Trước khi xây dựng Bắc Nhã Tịnh Đường - 1966**





**Cúng khởi công và tiền hành xây dựng đợt 1 - 1966**





**Xây dựng hai dãy tá hũu nhà trệt phụ thuộc - 1966**







**Hoàn thành xây dựng đợt I - 1967**





**BÁC NHÀ TÌNH ĐƯỜNG - năm 2011**









***Chủ biên* : GIÁO LÝ VỤ**

***Sưu tập & trình bày* : HÙNG ĐỨC**

***Hình ảnh* : ĐẠI CƠ HUỒN**

***Ấn hành* : Tháng 4 năm 2011**